TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 3 - 2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Danh.

Ông Thạch Văn Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị Bé Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tăng Lâm Ngọc X, sinh ngày 04-7-1993.

Căn cước công dân số 094193013081 cấp ngày 26-8-2021.

Địa chỉ: Ấp B, xã A, Thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Danh C, sinh năm 1983.

Chứng minh nhân dân số 365667054.

Địa chỉ: Ấp B, xã A, Thành phố Cần Thơ.

(Bà X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Danh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 19 tháng 12 năm 2025, nguyên đơn bà Tăng Lâm Ngọc X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2014, bà X và ông Danh C tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã A, Thành phố Cần Thơ). Sau khi kết hôn, bà X và ông Danh

C chung sống hạnh phúc, đến tháng 7-2022 phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm chia sẻ, mâu thuẫn không thể tự giải quyết được nên bà X về nhà cha mẹ ruột tại ấp P, xã A, Thành phố Cần Thơ. Bà X nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không hàn gắn được nữa nên yêu cầu ly hôn với ông D Co.

Về con chung: Thời gian chung sống, bà X và ông Danh C có con chung tên Danh Thị Kiều N, sinh ngày 26-7-2014. Cháu N hiện đang sống cùng với ông D Co. Sau khi ly hôn, bà X đồng ý giao cháu Danh Thị Kiều N, sinh ngày 26-7-2014 cho ông D Co trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; bà X không cấp dưỡng nuôi cháu N.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Danh C:

Ông Danh C đã được cấp, tống đạt các văn bản tố tụng, không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của bà X.

- Tại Biên bản ghi ý kiến con chung ngày 04 tháng 02 năm 2026, cháu Danh Thị Kiều N trình bày:

Cháu N đang sống cùng với ông Danh C; có nguyện vọng được sống cùng với ông Danh C1

- Tại phiên toà sơ thẩm:

Bà X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Danh C vắng mặt không có lý do.

Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Riêng bị đơn ông Danh C vắng mặt là chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X: Bà X được ly hôn với ông Danh C1 Giao con chung tên Danh Thị Kiều N, sinh ngày 26-7-2014 cho ông D Co trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; bà X không tự nguyện cấp dưỡng, ông Danh C không có ý kiến yêu cầu bà X phải cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung bà X trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; ông Danh C không có ý kiến yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Tăng Lâm Ngọc X khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn ông D Co. Ông Danh C cư trú tại ấp B, xã A, Thành phố Cần Thơ. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Danh C được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ hai, vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà X, ông D Co.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà X, ông Danh C tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã A, Thành phố Cần Thơ) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 102/2014. Tại thời điểm kết hôn, bà X, ông Danh C đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa bà X, ông Danh C được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà X, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà X, sau khi kết hôn bà X và ông Danh C chung sống hạnh phúc, đến tháng 7-2022 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm chia sẻ, mâu thuẫn không thể tự giải quyết được. Ông Danh C không có văn bản tường trình ý kiến về mâu thuẫn gia đình, không tham gia hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà X, ông Danh C đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà X yêu cầu được ly hôn với ông Danh C là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: Theo giấy khai sinh số: 289/2016 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã A, Thành phố Cần Thơ): Bà X và ông Danh C có con chung tên Danh Thị Kiều N (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-7-2014. Bà X đồng ý giao côn chung cho ông D Co trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Ông Danh C không có ý kiến phản đối yêu cầu này của bà X. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung hiện đang sống cùng ông Danh C, cuộc sống đã ổn định và có nguyện vọng được sống cùng với ông Danh C nên giao con chung cho ông D Co trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Do đó, yêu cầu về con chung của bà X là có căn cứ chấp nhận.

[6] Tại Khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi"* và Khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở"*. Theo quy định này, bà X là người không trực tiếp nuôi con chung phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống với ông D Co. Đồng thời, bà X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Theo quy định này, bà X là người không trực tiếp nuôi con chung phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, ông Danh C không có ý kiến yêu cầu bà X phải cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Bà X trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Ông Danh C không có ý kiến yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[9] Như đã nhận định, phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bà X là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tăng Lâm Ngọc X được ly hôn với ông D Co.

2. Về con chung: Giao con chung tên Danh Thị Kiều N (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-7-2014 cho ông D Co trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục đến khi đủ 18 tuổi. Bà Tăng Lâm Ngọc X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Danh C không có ý kiến yêu cầu bà Tăng Lâm Ngọc X phải cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tăng Lâm Ngọc X trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Ông Danh C không có ý kiến yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Tăng Lâm Ngọc X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số 0013408 ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Cần Thơ. Bà Tăng Lâm Ngọc X đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- THADS Thành phố Cần Thơ (Phòng THADS khu vực 6);
- TAND Thành phố Cần Thơ (Phòng GĐKT, TT và THA);
- UBND xã An Ninh, TP. Cần Thơ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thành Đạt